

## SẮP XẾP CÁC TRUYỆN NGẮN TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 11 (TẬP 1) ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DẠY HỌC ĐỌC HIỂU THEO ĐẶC TRUNG LOẠI THỂ

**Nguyễn Phước Bảo Khôi**

*Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*

*npbkhoiaval@yahoo.com*

*Nhận bài ngày: 6/6/2019; Ngày duyệt đăng: 27/08/2019*

### **Tóm tắt**

Dạy học đọc hiểu theo đặc trưng thể loại đặt ra nhiều yêu cầu phức tạp cho việc sắp xếp hệ thống văn bản. Trên cơ sở khảo sát các truyện ngắn trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 (Tập 1) hiện hành, bài viết hướng đến việc phân tích, đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu dạy học theo đặc trưng thể loại của các văn bản này, đồng thời đề xuất thứ tự sắp xếp văn bản phù hợp với yêu cầu trên.

**Từ khóa:** *dạy học đọc hiểu, Ngữ văn, truyện ngắn.*

### **Ordering short stories in The 11<sup>th</sup> grade Literature textbook (Volume 1) to meet the requirements of the genre-based approach to reading comprehension teaching**

#### **Abstract**

Teaching reading comprehension using a genre-based approach has posed some sophisticated requirements to text organization. Examining the short stories in The 11<sup>th</sup> grade Literature textbook (Volume 1), this paper analyzes and evaluates their ability in meeting the requirements of the genre-based approach as well as proposes how to order these texts to fit those requirements.

**Keywords:** *reading comprehension teaching, Literature, short story.*

Truyện ngắn là một thể loại quan trọng trong chương trình (CT) Ngữ văn bậc trung học phổ thông (THPT), được học xuyên suốt hai lớp 11 và 12 với số lượng văn bản (VB) khá đáng kể. Do vậy, việc dạy đọc truyện ngắn nói chung và dạy học đọc hiểu (DHH) truyện ngắn gắn với định hướng đặc trưng thể loại nói riêng là vấn đề rất đáng lưu tâm. Tuy vậy, việc hệ thống văn bản văn học (V BVH) trong sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn bậc THPT hiện hành được lựa chọn và sắp xếp vừa dựa vào tiến trình văn học vừa căn cứ theo thể loại chưa thể đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao hiệu quả DHH. Giúp HS nhận biết đặc trưng loại thể để hỗ trợ đắc lực hoạt động tiếp nhận VB, hình thành cho HS kỹ năng đọc các VB cùng loại có độ phức tạp cao một cách độc lập, thành thạo là điều rất cần thiết, nhất là trong CT Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực (NL). Những điều trên cho thấy để đáp ứng vấn đề DHH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại thì việc rất quan trọng chính là

phải lựa chọn và sắp xếp các truyện ngắn thành hệ thống VB tăng dần về độ khó, vừa tiêu biểu cho thể loại, vừa phù hợp với trình độ của HS. Đó cũng là mục đích nghiên cứu của chúng tôi khi tiến hành làm việc với các VB truyện ngắn trong SGK Ngữ văn 11 (Tập 1) hiện hành.

#### **1. Dạy học đọc hiểu truyện ngắn theo đặc trưng thể loại**

Trong SGK *Ngữ văn 11* (Tập 1), bài học *Một số thể loại văn học: Thơ, truyện* đã nêu một số yêu cầu về việc đọc hiểu tác phẩm truyện như tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác, phân tích cốt truyện, chú ý tới các tình tiết chính, phân tích nhân vật, xác định giá trị tư tưởng nghệ thuật của truyện. Trong đó, tài liệu này xác định “*truyện ngắn thường ít nhân vật, sự kiện, nó hướng tới một vài mảnh nhỏ của cuộc sống, có thể kể về cả cuộc đời hay một đoạn đời, một “chốc lát” của nhân vật, nhưng trong phạm vi hạn hẹp vẫn có thể đặt ra những vấn đề lớn lao, thể hiện những tư tưởng nhân sinh sâu sắc*” (Bộ

Giáo dục và Đào tạo, 2017: 135-136).

Đặc điểm về dung lượng của truyện ngắn khiến tác giả phải đặt ra yêu cầu về tính dồn nén, cô đúc trong cách tường thuật và thể hiện, “*phải biết chú ý vào cái cơ bản, vứt bỏ những gì xa xôi, miễn man, rườm rà có thể làm tổn hại đến sự súc tích của văn bản, làm tan loãng ấn tượng tập trung về chủ đề*” (Huỳnh Như Phương, 2017: 95). Từ đó, đôi khi cốt truyện không quan trọng bằng việc nhà văn tổ chức cốt truyện, sắp xếp các tình tiết làm sao để điều chính yếu được nổi bật lên, gây được ấn tượng mạnh mẽ.

Cũng do đặc thù về dung lượng, Huỳnh Như Phương (2017: 94) nhận thấy truyện ngắn thường chỉ “*tập trung khai thác một thời điểm chói sáng, một tình huống gây ấn tượng mạnh và có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật*”. Chung quan điểm với Huỳnh Như Phương (2017), Đinh Trí Dũng và cộng sự (2018) cho rằng: “*Truyện ngắn tập trung xoáy sâu vào những thời điểm có ý nghĩa để người đọc nhận ra các giá trị của cuộc sống, nhìn thấy diện mạo của cái toàn thể thông qua những “lát cắt” bộ phận mang tính điển hình*”. Từ đó, ta có thể xác định: với truyện ngắn thì “*tình huống là nhân tố quan trọng tổ chức kết cấu, tức nó bao trùm và chi phối các thành tố khác như nhân vật, cảnh vật, bố cục, lời trần thuật*” và “*hiếu được đặc sắc của tình huống, có thể coi như đã nắm được chiếc chìa khóa màu nhiệm để mở vào thế giới bí ẩn, hấp dẫn của truyện ngắn*”.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải đề cập đến vai trò của chi tiết trong truyện ngắn. Khi đưa chi tiết vào tác phẩm tự sự có dung lượng ngắn, bao giờ nhà văn cũng phải có sự lựa chọn thật tinh tế. Số lượng chi tiết nhiều hay ít không quan trọng. Điều đáng lưu tâm là mỗi chi tiết dù lớn hay nhỏ đều có ý nghĩa đóng góp một vai trò nào đó trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của tác giả. Thậm chí, Đinh Trí Dũng và cộng sự đã khẳng định: “*Truyện ngắn có thể không có một cốt truyện rõ ràng nhưng không thể không có chi tiết. Chính chi tiết mà không khí, cảnh trí, tình huống, tính cách, hành động, tâm tư nhân vật được bộc lộ đầy đủ. Những chi tiết hay còn có khả năng nâng tác phẩm lên cấp độ tượng trưng,*

*khái quát, tạo sức ám ảnh. Trong nhiều truyện ngắn hay có những chi tiết phát sáng, nghĩa là nhờ vào nó mà tư tưởng chủ đề được khắc sâu*” (Đinh Trí Dũng và cộng sự, 2018: 55).

Như vậy, khi DHDH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại, ngoài việc lưu ý HS một số yếu tố cơ bản như *cốt truyện, điểm nhìn trần thuật, nhân vật*, chúng ta không thể không ghi nhận ở tác giả một nỗ lực xây dựng truyện ngắn với *kết cấu* linh hoạt, đa dạng, với những *chi tiết* ấn tượng và *tình huống* độc đáo nhằm tác động sâu sắc hiệu quả nhất đến người đọc.

## 2. Vấn đề sắp xếp văn bản phục vụ cho việc DHDH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại

Ở phần phát biểu về quan điểm sư phạm, tài liệu CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn hiện hành nêu rõ có hai hướng tích hợp chủ yếu trong CT môn học đó là tích hợp theo chiều ngang và tích hợp theo chiều dọc. Theo người biên soạn, tích hợp theo chiều dọc có nghĩa là “*thiết kế những đơn vị kiến thức, kỹ năng học sau bao hàm những kiến thức, kỹ năng đã học trước nhưng ở mức cao hơn và sâu hơn theo nguyên tắc đồng tâm và phát triển*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006: 8). Chúng tôi nhận thấy quan điểm này tương đồng với khuyến nghị về việc cấu trúc hệ thống VB trong SGK Ngữ văn mới. Nguyễn Thành Thi cho rằng các VB VH “*phải được tuyển chọn, tập hợp thành hệ thống có tính tiêu biểu về loại, phù hợp về độ khó và được sắp xếp tăng dần về độ phức tạp, tương ứng với yêu cầu cao dần về kiến thức, kỹ năng cần đạt*” (Nguyễn Thành Thi, 2014: 141).

Phụ lục A của *Common Core State Standards* (CCSS) đã đưa ra một nội dung rất quan trọng đó là độ khó (mức độ phức tạp) của VB sử dụng trong việc chọn lựa tài liệu đọc hiểu phù hợp cho từng cấp học, đơn vị lớp (NGA & CCSSO, 2010: 4-5). Dựa trên các yếu tố về *Chất lượng* và *Số lượng* được xác định trong vấn đề này, các nhà giáo dục Hoa Kỳ đã phân định độ khó VB theo hai loại VB được sử dụng trong CT môn Ngữ văn: văn bản thông tin (VBTT) và văn bản văn học (VBVH). Với VBVH, độ khó VB được thể hiện qua ý nghĩa/ tầng nghĩa của VB, đặc điểm VB, việc sử dụng ngôn ngữ của VB và

những yêu cầu về kiến thức đối với HS khi đọc VB. Trong mỗi yếu tố được khảo sát đều có phân ra bốn cấp độ (cao, tương đối cao, tương đối thấp, thấp) để thuận tiện cho việc xác định độ khó. Theo đó, độ khó của VB VH được thể hiện theo Bảng 1 sau:

**Bảng 1.** Chi tiết hóa các yếu tố cấu thành độ khó của VB VH

Yếu tố	Mức độ			
	Thấp	Tương đối thấp	Tương đối cao	Cao
<b>Định dạng, thiết kế</b>	Dung lượng ngắn, khổ in lớn, nhiều hình ảnh minh họa, các chương/ đề mục được đặt tên.	Dung lượng vừa, khổ in lớn, ít hình ảnh minh họa, các chương/ đề mục được đặt tên.	Dung lượng vừa, khổ in vừa hoặc nhỏ, ít hoặc không có hình ảnh minh họa, các chương/ đề mục được đánh số thứ tự.	Dung lượng vừa, khổ in nhỏ, chữ in kiểu trang trí mỹ thuật, không có hình ảnh minh họa, các chương/ đề mục có thể hoặc không được đánh số thứ tự.
<b>Đặc điểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật và bối cảnh đơn giản.</li> <li>Kết cấu theo trình tự thời gian tuyến tính.</li> <li>Điểm nhìn trần thuật cố định.</li> <li>Nội dung đơn nghĩa, dễ tìm hiểu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật và bối cảnh khá đơn giản.</li> <li>Kết cấu theo diễn biến tâm lý gắn với trình tự thời gian tuyến tính.</li> <li>Điểm nhìn trần thuật thường cố định.</li> <li>Nội dung chủ yếu được thể hiện rõ ràng, dễ tìm hiểu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật và bối cảnh khá phức tạp.</li> <li>Kết cấu theo diễn biến tâm lý, có sự xuất hiện của kết cấu hồi cố (đảo trình tự thời gian).</li> <li>Điểm nhìn trần thuật đôi khi có sự thay đổi.</li> <li>Nội dung hàm ẩn nhưng vẫn dễ tìm hiểu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật phức tạp và bối cảnh thay đổi linh hoạt.</li> <li>Kết cấu linh hoạt tùy thuộc vào những tình tiết chính.</li> <li>Điểm nhìn trần thuật luôn thay đổi.</li> <li>Nội dung hàm ẩn, khó tìm hiểu.</li> </ul>
<b>Ngôn ngữ</b>	Ngôn ngữ hiện đại, được sử dụng đơn nghĩa, diễn đạt dễ hiểu, ít hoặc không sử dụng cách diễn đạt hình tượng, bóng bẩy.	Ngôn ngữ đa phần hiện đại, chủ yếu được sử dụng đơn nghĩa, diễn đạt tương đối dễ hiểu, đôi chỗ sử dụng cách diễn đạt hình tượng, bóng bẩy.	Thường sử dụng lối diễn đạt hình tượng, bóng bẩy, ẩn ý. Có sự xuất hiện của một ít từ cổ.	sử dụng lối diễn đạt hình tượng, bóng bẩy, nhiều ẩn ý. Ngôn ngữ nhìn chung xa lạ, cổ xưa, đôi lúc gây cản trở cho việc nắm bắt ý nghĩa của VB.
<b>Ý nghĩa</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cốt truyện đơn tuyến</li> <li>Chỉ có một chủ đề xuyên suốt trong VB; thông điệp được chuyển tải, ý nghĩa của VB có thể nắm bắt dễ dàng, thậm chí sớm được phát hiện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cốt truyện đơn tuyến</li> <li>Thể hiện một chủ đề khá phức tạp nhưng thông điệp được chuyển tải, ý nghĩa của VB có thể nắm bắt dễ dàng, thậm chí sớm được phát hiện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cốt truyện đa tuyến</li> <li>Đan cài nhiều chủ đề, những thông điệp được chuyển tải, ý nghĩa của VB chỉ có thể nắm bắt sau khi đọc hết VB.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cốt truyện đa tuyến</li> <li>Đan cài nhiều chủ đề phức tạp, những thông điệp được chuyển tải rất tinh tế, ý nghĩa của VB còn mơ hồ, khó phát hiện.</li> </ul>
<b>Yêu cầu kiến thức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung VB rất quen thuộc với kinh nghiệm sống của người đọc.</li> <li>Việc tìm hiểu nội dung, ý nghĩa VB chỉ yêu cầu những kiến thức đơn giản về văn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh nghiệm đời sống: kinh nghiệm thể hiện gần gũi với nhiều người đọc</li> <li>Việc tìm hiểu nội dung, ý nghĩa VB yêu cầu những kiến thức phổ thông về văn học,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh nghiệm đời sống: kinh nghiệm thể hiện không gần gũi với phần lớn người đọc</li> <li>Cần có một trình độ nhất định về văn học, văn hóa để tìm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh nghiệm đời sống: kinh nghiệm thể hiện hoàn toàn khác lạ với phần lớn/toàn bộ người đọc</li> <li>Kiến thức về văn học, văn hóa phải sâu rộng mới có thể tìm hiểu</li> </ul>

học, văn hóa. • Không liên quan đến các VB khác hoặc các yếu tố văn hóa khác.	văn hóa. • Đôi chỗ có liên quan đến VB khác hoặc các yếu tố văn hóa khác.	hiểu được nội dung, ý nghĩa VB. • Đôi chỗ có liên quan đến VB khác và các yếu tố văn hóa khác.	được nội dung, ý nghĩa VB. • Nhiều chỗ có liên quan đến VB khác và các yếu tố văn hóa khác.
--	--	---	--

Tài liệu sách giáo viên *Ngữ văn 10* (Tập 1) cho biết “các văn bản văn học được sắp xếp theo thể loại và các thời kì văn học lớn” và “cách sắp xếp nói trên một mặt theo truyền thống (dựa vào tiến trình văn học) mặt khác có điểm mới theo thể loại” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010: 8). Đây chính là định hướng rất quan trọng trong việc lựa chọn và sắp xếp các văn bản văn học (VBVH) trong CT môn Ngữ văn hiện hành.

Hơn thế, trục thể loại cũng là tiêu chí quan trọng hàng đầu, đóng vai trò quyết định trong việc sắp xếp hệ thống VBVH của CT và SGK Ngữ văn mới. Và việc sắp xếp này đã làm “nổi bật vai trò của thể loại, đồng thời phù hợp với

việc dạy và học văn theo đặc trưng thể loại” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010: 9). Không phải vô tình mà Phan Trọng Luận khi nêu ra các năng lực (NL) đặc thù mà môn Ngữ văn cần rèn luyện và nâng cao cho học sinh (HS) đã đặc biệt nhấn mạnh đến NL nhận biết loại thể để định hướng hoạt động tiếp nhận VBVH (Phan Trọng Luận, 2011: 177-178). Vận dụng quan điểm đã được nêu trên và chọn lọc, phát triển một số nội dung từ Bảng 1, trong việc DHDH truyện ngắn, chúng tôi tạm hình dung độ khó của truyện ngắn có ba mức, tăng dần từ (1) đến (3), tương ứng với các yếu tố đặc trưng cho thể loại theo mô tả ở Bảng 2 sau:

**Bảng 2.** Phân giải độ khó của thể loại truyện ngắn

Yếu tố đặc trưng	Mức độ		
	(1)	(2)	(3)
<b>Cốt truyện</b>	Ít tình tiết quan trọng.	Nhiều tình tiết quan trọng.	Nhiều tình tiết quan trọng, giàu kịch tính.
<b>Kết cấu</b>	Sử dụng một kiểu kết cấu dạng đơn giản (kết cấu tuyến tính hoặc kết cấu đảo trình tự thời gian).	Sử dụng một kiểu kết cấu dạng phức tạp (như kết cấu tâm lý, kết cấu vòng tròn, kết cấu truyện lồng trong truyện...).	Sử dụng kết hợp hai loại kết cấu khác nhau trở lên.
<b>Điểm nhìn trần thuật</b>	Khách quan	Có sự đan xen giữa chủ quan và khách quan nhưng chủ yếu vẫn là chủ quan.	Phối hợp linh hoạt khách quan và chủ quan.
<b>Tình huống</b>	Sự phát triển của cốt truyện xoay quanh một tình huống.	Cốt truyện phát triển trên cơ sở kết hợp của hai tình huống.	Cốt truyện phát triển có sự kết hợp của nhiều hơn hai tình huống.
<b>Nhân vật</b>	Tính cách nhân vật chủ yếu được thể hiện thông qua hành động, lời nói.	Tính cách nhân vật được thể hiện thông qua hành động, lời nói, tâm lý.	Tính cách nhân vật được thể hiện thông qua hành động đặc biệt, lời nói đa nghĩa, tâm lý phức tạp.
<b>Chi tiết</b>	Các chi tiết rời rạc, không tổ chức thành cụm, chỉ tác động đến đến một phương diện về nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm.	Các chi tiết tổ chức thành cụm có sự kết nối về ý nghĩa, tác động đến một phương diện về nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm.	Các chi tiết tổ chức thành cụm có sự kết nối về ý nghĩa, chi phối cả nội dung lẫn nghệ thuật của tác phẩm.

Thực tế CT và SGK Ngữ văn hiện hành không cho phép giáo viên (GV) tự lựa chọn VB để

DHDH. Việc cần và có thể thực hiện đó là trên nền tảng CT và SGK Ngữ văn hiện hành, GV nên

định hướng lại để có thể khắc phục được một số bất cập của hệ thống VB sử dụng DHHH. Bên cạnh việc lưu ý dạy đúng tiến độ, dạy cho đủ bài, GV cần phải chú trọng dạy cho HS cách học, cách tư duy thông qua việc giải quyết các vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập. Do đó, việc sắp xếp các đơn vị nội dung dạy học theo một trật tự phù hợp với mức độ và quá trình nhận thức của HS cần được quan tâm đúng mức. Muốn vậy, mỗi bài học/ VB phải được xếp đặt một cách có mục đích và phải tạo thành một mối liên kết chặt chẽ với nhau. Vẫn là những VB ấy nhưng chỉ cần sắp xếp khác đi là lập tức khả năng tiếp thu của người học sẽ khác. Như vậy, GV hoàn toàn có thể chủ động sắp xếp lại các bài học trong CT và SGK hiện hành nếu trình tự các bài học ấy chưa

đáp ứng được mục tiêu DHHH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại cho HS.

### 3. Khảo sát các VB truyện ngắn trong SGK Ngữ văn 11 (Tập 1)

SGK *Ngữ văn 11* (Tập 1) có tất cả 5 VB truyện ngắn, trong đó được học chính thức là 3 VB gồm *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) và *Chí Phèo* (Nam Cao). Đây cũng chính là ngữ liệu để chúng tôi tiến hành nghiên cứu vấn đề.

Dựa vào các vấn đề cần quan tâm khi DHHH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại đã nêu (cốt truyện, điểm nhìn trần thuật, nhân vật, kết cấu, chi tiết, tình huống), chúng tôi phân giải 3 VB trên theo từng yếu tố đặc trưng, nội dung mô tả cụ thể như Bảng 3 sau:

**Bảng 3.** Phân giải theo đặc trưng thể loại các truyện ngắn trong SGK *Ngữ văn 11* (tập 1)

Yếu tố đặc trưng	VB		
	Hai đứa trẻ	Chữ người tử tù	Chí Phèo
<b>Cốt truyện</b>	Cốt truyện đơn giản	Cốt truyện kịch tính	Cốt truyện kịch tính.
<b>Kết cấu</b>	Kết cấu tâm lý – tuyến tính	Kết cấu tuyến tính	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết cấu đảo trình tự thời gian</li> <li>Kết cấu vòng tròn</li> </ul>
<b>Điểm nhìn trần thuật</b>	Chủ yếu là khách quan, có sự đan xen với điểm nhìn chủ quan (chủ yếu trần thuật bằng lời gián tiếp, đôi chỗ trần thuật bằng lời nửa trực tiếp).	Khách quan (trần thuật bằng lời gián tiếp)	Đan xen chủ quan và khách quan (trần thuật phối hợp lời gián tiếp, lời nửa trực tiếp, lời trực tiếp)
<b>Tình huống</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tình huống tâm trạng</li> <li>Tình huống nhận thức</li> </ul>	Tình huống hành động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tình huống tâm trạng</li> <li>Tình huống nhận thức</li> </ul>
<b>Nhân vật</b>	Tính cách được miêu tả chủ yếu thông qua tâm lý.	Tính cách được miêu tả chủ yếu thông qua hành động, ngôn ngữ.	Tính cách được miêu tả thông qua hành động lẫn tâm lý. Đặc biệt diễn biến tâm trạng, trạng thái tâm lý phức tạp của nhân vật được khám phá, miêu tả, phân tích tinh tế qua những đoạn đối thoại, độc thoại nội tâm.
<b>Chi tiết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cụm chi tiết về âm thanh</li> <li>Cụm chi tiết về ánh sáng và bóng tối</li> <li>Cụm chi tiết về đoàn tàu đêm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cái gông</li> <li>Buồng giam</li> <li>Bức chằm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếng chửi</li> <li>Cái lò gạch cũ</li> <li>Cụm chi tiết về âm thanh cuộc sống mà Chí Phèo nghe khi thức dậy sau cơn say dài.</li> <li>Bát cháo hành</li> </ul>

Dựa vào xuất xứ (trích trong các tập truyện dài theo thời gian từ 1938 đến 1941) cũng như xu hướng phân hóa trong bộ phận văn học công khai giai đoạn 1930 – 1945 (VB *Hai đứa*

*trẻ* và *Chữ người tử tù* thuộc văn học lãng mạn còn VB *Chí Phèo* thuộc văn học hiện thực phê phán), trình tự xuất hiện của 3 VB trên có thể là một ví dụ cho quan điểm sắp xếp VB dựa trên

tiến trình văn học.

Căn cứ vào đặc trưng thể loại, các VB này là những minh họa mẫu mực – biểu hiện đầy đủ những đặc trưng cơ bản, mang tính tiêu biểu – cho thể loại truyện ngắn. Nói cách khác, 3 VB trên có đầy đủ những dữ kiện cần thiết phù hợp với mục tiêu dạy học, đặc biệt là việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng đọc truyện ngắn theo đặc trưng loại thể cho HS.

Nhưng nếu dựa vào những nội dung đã được phân giải trong Bảng 1, có thể thấy các VB trên chưa được sắp xếp thành hệ thống tăng dần về độ khó, từ đó chưa đáp ứng được mục tiêu DHDH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại cho HS.

Erpenbeck (1998) cho rằng NL lấy tri thức làm cơ sở, được qui định bằng các giá trị (chuẩn), hiện thực hóa qua ý chí (sự sẵn sàng/ thái độ tích cực khi thực hiện hoạt động), tăng cường qua kinh nghiệm (lặp đi lặp lại hoạt động cho thành thạo) và được sử dụng như khả năng (gắn với các kỹ năng cụ thể) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018: 28). Ở đây chúng tôi đặc biệt chú ý đến vấn đề “tăng cường qua kinh nghiệm”. Điều này có

nghĩa NL được phát triển dần dần và trên cơ bản muốn hình thành NL thì hoạt động phải được lặp đi lặp lại cho thành thạo. Do vậy, để hình thành NL đọc truyện ngắn cho HS, GV cần quan tâm đến kinh nghiệm của các em cũng như chú ý đến đường phát triển dần dần của NL ấy, cần hướng đến việc giúp các em nắm bắt được yếu tố đặc trưng cho thể loại từ đơn giản đến phức tạp. Điều này càng khẳng định việc sắp xếp lại các VB phục vụ cho việc DHDH truyện ngắn theo đặc trưng thể loại là rất cần thiết.

#### 4. Đề xuất việc sắp xếp các truyện ngắn trong SGK Ngữ văn 11 (Tập 1) đáp ứng yêu cầu DHDH theo đặc trưng thể loại

Dựa vào Bảng 2, để đảm bảo đường phát triển NL đọc truyện ngắn được liền mạch, chúng tôi cho rằng nên có sự hoán đổi thứ tự giữa hai VB *Chữ người tử tù* và *Hai đứa trẻ*. Việc sắp xếp này cơ bản sẽ tạo nên một hệ thống VB tăng dần về độ khó. Áp dụng kết quả phân giải ở Bảng 1, cũng với độ khó tăng dần từ (1) đến (3) tương ứng với các yếu tố đặc trưng cho thể loại, chúng tôi có mô tả theo Bảng 4 sau:

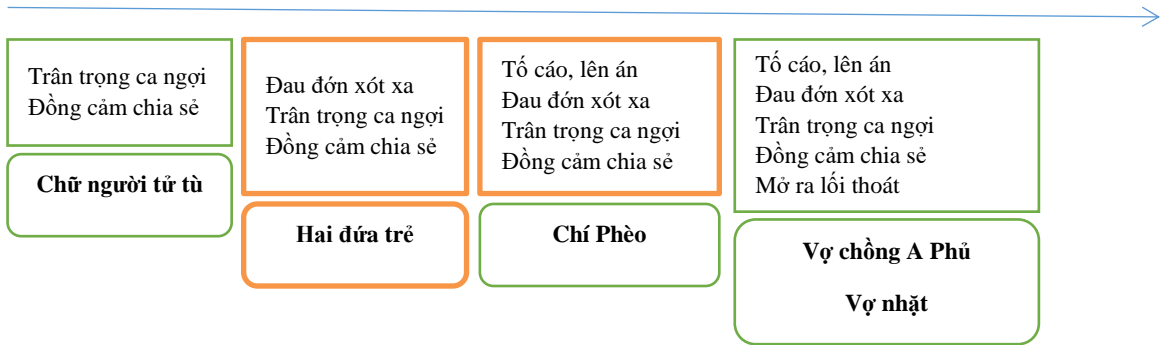
**Bảng 4.** Mô tả độ khó theo mức độ của các truyện ngắn trong SGK Ngữ văn 11 (Tập 1)

Yếu tố đặc trưng	VB		
	Chữ người tử tù	Hai đứa trẻ	Chí Phèo
Cốt truyện	(2)	(1)	(3)
Kết cấu	(1)	(2)	(3)
Điểm nhìn trần thuật	(1)	(2)	(3)
Tình huống	(1)	(2)	(2)
Nhân vật	(1)	(2)	(3)
Chi tiết	(1)	(2)	(3)

Ngoài yếu tố cốt truyện, VB *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) có 5/6 yếu tố đặc trưng ở mức độ (1), thỏa điều kiện trở thành tác phẩm đầu tiên để DHDH truyện ngắn. Hơn thế, nếu kéo dài đường phát triển NL này đến tác phẩm truyện ngắn gần nhất HS đã được học ở lớp 10 là *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (bên cạnh yếu tố kỳ ảo đặc trưng, truyện ngắn này có cốt truyện kịch tính, kết cấu tuyến tính, tính cách nhân vật được miêu tả tập trung vào hành

động và ngôn ngữ), có thể thấy *Chữ người tử tù* có lợi thế kết nối với tác phẩm này hơn *Hai đứa trẻ* (căn cứ vào kinh nghiệm tiếp nhận truyện ngắn theo đặc trưng thể loại của HS).

Hơn thế, thứ tự mới của các truyện ngắn được dạy học trong SGK *Ngữ văn* lớp 11 (Tập 1) theo đề xuất trên sẽ giúp mở rộng dần nội dung nhân đạo trong sự kết nối với hai truyện ngắn đầu tiên trong SGK *Ngữ văn* 12 (Tập 2), cụ thể như Hình 1 sau:



**Hình 1.** Mô tả nội dung nhân đạo trong các truyện ngắn hiện đại Việt Nam trong SGK *Ngữ văn 11* (Tập 1) và *Ngữ văn 12* (Tập 2)

Từ trường hợp các VB truyện ngắn trong SGK *Ngữ văn 11* (Tập 1) cho thấy vấn đề sắp xếp VB thuận lợi cho việc DHĐH còn rất nhiều hạn chế. Việc hệ thống VBVH trong SGK *Ngữ văn* bậc trung học phổ thông hiện hành được lựa chọn và sắp xếp vừa dựa vào tiến trình văn học vừa căn cứ theo thể loại chưa thể đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao hiệu quả DHĐH. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hệ quả này là do tính định hướng của CT hiện hành: bản chất vẫn là CT được định hướng về nội dung – coi trọng tính hệ thống của tri thức với những quy định chặt chẽ về chuẩn kiến thức, kỹ năng, tạo nên rất nhiều lực cản cho việc đổi mới phương pháp dạy học. Giúp HS nhận biết đặc trưng loại thể để hỗ trợ đắc lực hoạt động tiếp nhận VB, hình thành cho HS kỹ năng đọc các VB cùng loại có độ phức tạp cao một cách độc lập, thành thạo là điều rất cần thiết, nhất là trong CT *Ngữ văn* theo định hướng phát triển NL. Do đó, việc lựa chọn và sắp xếp hệ thống VB phục vụ DHĐH rất quan trọng, đặc biệt khi quá trình đổi mới CT và SGK *Ngữ văn* đang đến gần thì vấn đề này càng phải được đặt ra cấp bách hơn.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2010). *Sách giáo viên Ngữ văn 10* (Tập 1). Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Sách giáo khoa Ngữ văn 11* (Tập 1). Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực* (Tài liệu hội thảo). Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Đinh Trí Dũng, Bùi Việt Thắng. (2018). *Giáo trình truyện ngắn Việt Nam hiện đại*. Nxb Đại học Vinh.
- Phan Trọng Luận. (2011). *Văn chương – Bạn đọc sáng tạo*. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.
- NGA & CCSSO (2010). *Common Core State Standards* (Appendix A). National Governors Association, Council of Chief State School Officers. [http://www.corestandards.org/assets/Appendix\\_A.,\\_20/10/2017](http://www.corestandards.org/assets/Appendix_A.,_20/10/2017).
- Huỳnh Như Phương. (2017). *Tác phẩm và thể loại văn học*. Nxb Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- Nguyễn Thành Thi (2014). Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe trong dạy học *Ngữ văn*. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Tp.HCM*, 56, 134-143